

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2024/QĐ-UBND Bắc Kạn, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Điều chỉnh, bổ sung Bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 06/2020/QĐ-UBND ngày 01/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh Bắc Kạn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Các tổ chức tín dụng ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về giá đất;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số..../TTr-STNMT ngày..../...../2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung Bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 06/2020/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn được sửa đổi, bổ sung tại các Quyết định số 51/2022/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn; Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn; Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2024

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc, Thủ trưởng các Sở, ban ngành, đoàn thể của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị

trần; Thủ trưởng các đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (thực hiện);
- Văn phòng Chính phủ (B/c);
- Vụ Pháp chế - Bộ TN&MT;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy;
- TT Hội đồng nhân dân tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu VT, NNTNMT, NCPC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(DỰ THẢO)

**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT ĐỊNH KỲ 05 NĂM (2020 - 2024)
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC KẠN**

I. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	THÀNH PHỐ BẮC KẠN	
	PHƯỜNG PHÙNG CHÍ KIÊN	
VI	Đường nội bộ khu dân cư 244 khu A+B	8.058
VII	Khu Đô thị phía Nam và Khu tái định cư Đức Xuân thuộc địa phận phường Phùng Chí Kiên	
3	Các trục đường nội bộ khu đô thị phía nam có lộ giới 11,5m	10.222
4	Các trục đường nội bộ khu tái định cư Đức Xuân có lộ giới 11,5m	10.222
5	Các trục đường nội bộ khu đô thị phía nam có lộ giới 16,5m	13.019
X	Các trục đường phụ	
	Tuyến đường Khu dân cư sau trụ sở Viettel (Từ hết đất ông Dương Văn Hải đến hết đất ông Hoàng Huy Hưởng, đến hết đất bà Bùi Thị Duyên, đến hết đất ông Nguyễn Văn Lợi, đến hết đất ông Liêu Đức Duy và đến hết đất ông Nguyễn Mạnh Hùng)	3.660
	PHƯỜNG NGUYỄN THỊ MINH KHAI	
31	Khu tái định cư Chương trình đô thị miền núi phía Bắc	
31.1	Các trục đường nội bộ Khu tái định cư Chương trình đô thị miền núi phía Bắc có lộ giới 12m	6.936
31.2	Các trục đường nội bộ Khu tái định cư Chương trình đô thị miền núi phía Bắc có lộ giới 16,5m	7.900
32	Khu dân cư thương mại và Chợ Nguyễn Thị Minh Khai	
32.1	Trục đường bao quanh Chợ Nguyễn Thị Minh Khai	13.590
32.2	Các trục đường còn lại	12.600
	PHƯỜNG HUYỀN TỤNG	
	Khu dân cư thương mại và Chợ Nguyễn Thị Minh Khai	

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	<i>Trục đường bao quanh Chợ Nguyễn Thị Minh Khai</i>	13.590
	<i>Các trục đường còn lại</i>	12.600
	HUYỆN CHỢ MỚI	
I	Đường phố loại 1	
1	Trục đường Quốc lộ 3 từ Cầu Ổ gà đến hết địa phận thị trấn Đồng Tâm	8.000
II	Đường phố loại 2	
1	Từ cách lộ giới QL3 là 20m đến hết đất nhà ông Phan Bá Thuận (đầu đường QH32m đến cuối đường QH32m) Điều chỉnh thành: “Từ cách lộ giới QL3 là 20m (cây xăng 31) đến hết đất nhà ông Phan Bá Thuận tổ 2”	4.465
2	Từ cổng Trung tâm Dạy nghề huyện đi qua chợ đến Cửa hàng Vật tư nông nghiệp (cách đường QH32m là 20m)	4.465
3	Từ giáp đất nhà ông Hoàng Đình Hoàn đến đường QH32m (cách lộ giới 20m) Điều chỉnh thành: “Từ cách lộ giới QL3 là 20m (Nhà ông Hoàng Hà Bắc) đến tiếp giáp đất ông Tạ Việt Anh”	2.254
	HUYỆN NA RÌ	
I	Trục đường từ xã Cường Lợi đi xã Sơn Thành	
2	<i>Từ giáp đất ông Triệu Văn Hoan đến ngã ba đường đi Văn Vũ</i>	1.800
	HUYỆN BẠCH THÔNG	
	Đường nội thị, thị trấn Phủ Thông	3.860
	HUYỆN BA BỂ	
I	Các trục đường chính (dọc hai bên đường)	
1	Từ đường rẽ vào Lâm trường Ba Bể đến cổng cạnh nhà ông Dương Văn Duy TK4	3.718
6	Từ tiếp cổng nhà ông Dương Văn Duy TK4 đến hết đất nhà ông Doãn Văn Đám TK4	2.776
15	Từ cổng Loổng Cại đến hết đất thị trấn	4.250
20	Từ tiếp đất nhà bà Hoàng Thị Giới (TK1) đến hết đất nhà ông Bé Thiện Kiệm (TK11) Điều chỉnh thành “Từ Tiếp đất nhà Bà Triệu Thị Liên (TK1) dọc trục đường QL 279 đến hết nhà ông Bé Thiện Kiệm”	4.250

II. BẢNG GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ TẠI ĐÔ THỊ

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	THÀNH PHỐ BẮC KẠN	
	PHƯỜNG PHÙNG CHÍ KIÊN	
VI	Đường nội bộ khu dân cư 244 khu A+B	6.446
VII	Khu Đô thị phía Nam và Khu tái định cư Đức Xuân thuộc địa phận phường Phùng Chí Kiên	
3	Các trục đường nội bộ khu đô thị phía nam có lộ giới 11,5m	8.178
4	Các trục đường nội bộ khu tái định cư Đức Xuân có lộ giới 11,5m	8.178
5	các trục đường nội bộ khu đô thị phía nam có lộ giới 16,5m	10.415
X	Các trục đường Phụ	
	Tuyến đường Khu dân cư sau trụ sở Viettel (Từ hết đất ông Dương Văn Hải đến hết đất ông Hoàng Huy Hưởng, đến hết đất bà Bùi Thị Duyên, đến hết đất ông Nguyễn Văn Lợi, đến hết đất ông Liêu Đức Duy và đến hết đất ông Nguyễn Mạnh Hùng)	2.928
	PHƯỜNG NGUYỄN THỊ MINH KHAI	
31	Khu tái định cư Chương trình đô thị miền núi phía Bắc	
31.1	Các trục đường nội bộ Khu tái định cư Chương trình đô thị miền núi phía Bắc có lộ giới 12m	5.549
31.2	Các trục đường nội bộ Khu tái định cư Chương trình đô thị miền núi phía Bắc có lộ giới 16,5m	6.320
32	Khu dân cư thương mại và Chợ Nguyễn Thị Minh Khai	
32.1	Trục đường bao quanh Chợ Nguyễn Thị Minh Khai	10.872
32.2	Các trục đường còn lại	10.080
	PHƯỜNG HUYỀN TUNG	
	Khu dân cư thương mại và Chợ Nguyễn Thị Minh Khai	
	Trục đường bao quanh Chợ Nguyễn Thị Minh Khai	10.872
	Các trục đường còn lại	10.080
	HUYỆN CHỢ MỚI	
I	Đường phố loại 1	
1	Trục đường Quốc lộ 3 từ Cầu Ô gà đến hết địa phận thị trấn Đồng Tâm	6.400
II	Đường phố loại 2	
1	Từ cách lộ giới QL3 là 20m đến hết đất nhà ông Phan Bá Thuận (đầu đường QH32m đến cuối đường QH32m) Điều chỉnh thành: “Từ cách lộ giới QL3 là 20m (cây xăng 31) đến hết đất nhà ông Phan Bá Thuận tổ 2”	3.572

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
2	Từ cổng Trung tâm Dạy nghề huyện đi qua chợ đến Cửa hàng Vật tư nông nghiệp (cách đường QH32m là 20m)	3.572
3	Từ giáp đất nhà ông Hoàng Đình Hoàn đến đường QH32m (cách lộ giới 20m) Điều chỉnh thành: “Từ cách lộ giới QL3 là 20m (Nhà ông Hoàng Hà Bắc) đến tiếp giáp đất ông Tạ Việt Anh”	1.803
	HUYỆN NA RÌ	
I	Trục đường từ xã Cường Lợi đi xã Sơn Thành	
2	Từ giáp đất ông Triệu Văn Hoan đến ngã ba đường đi Văn Vũ	1.440
	HUYỆN BẠCH THÔNG	
	Đường nội thị, thị trấn Phủ Thông.	3.088
	HUYỆN BA BỂ	
I	Các trục đường chính (dọc hai bên đường)	
5	Từ đường rẽ vào Lâm trường Ba Bể đến cổng cạnh nhà ông Dương Văn Duy TK4	2.974
6	Từ tiếp cổng nhà ông Dương Văn Duy TK4 đến hết đất nhà ông Doãn Văn Đảm TK4	2.221
15	Từ cổng Loổng Cại đến hết đất thị trấn	3.400
20	Từ tiếp đất nhà bà Hoàng Thị Giới (TK1) đến hết đất nhà ông Bế Thiện Kiệm (TK11) Điều chỉnh thành “Từ Tiếp đất nhà Bà Triệu Thị Liên (TK1) dọc trục đường QL 279 đến hết nhà ông Bế Thiện Kiệm”	3.400

**III. BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT, KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP
KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ TẠI ĐÔ THỊ**

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	THÀNH PHỐ BẮC KẠN	
	PHƯỜNG PHÙNG CHÍ KIÊN	
VI	Đường nội bộ khu dân cư 244 khu A+B	4.835
VII	Khu Đô thị phía Nam và Khu tái định cư Đức Xuân thuộc địa phận phường Phùng Chí Kiên	
3	Các trục đường nội bộ khu đô thị phía nam có lộ giới 11,5m	6.133
4	Các trục đường nội bộ khu tái định cư Đức Xuân có lộ giới 11,5m	6.133
5	các trục đường nội bộ khu đô thị phía nam có lộ giới 16,5m	7.811
X	Các trục đường Phụ	
	Tuyến đường Khu dân cư sau trụ sở Viettel (Từ hết đất ông Dương Văn Hải đến hết đất ông Hoàng Huy Hưởng, đến hết đất bà Bùi Thị Duyên, đến hết đất ông Nguyễn Văn Lợi, đến hết đất ông Liêu Đức Duy và đến hết đất ông Nguyễn Mạnh Hùng)	2.196
	PHƯỜNG NGUYỄN THỊ MINH KHAI	
31	Khu tái định cư Chương trình đô thị miền núi phía Bắc	
31.1	Các trục đường nội bộ Khu tái định cư Chương trình đô thị miền núi phía Bắc có lộ giới 12m	4.162
31.2	Các trục đường nội bộ Khu tái định cư Chương trình đô thị miền núi phía Bắc có lộ giới 16,5m	4.740
32	Khu dân cư thương mại và Chợ Nguyễn Thị Minh Khai	
32.1	Trục đường bao quanh Chợ Nguyễn Thị Minh Khai	8.154
32.2	<i>Các trục đường còn lại</i>	7.560
	PHƯỜNG HUYỀN TUNG	
	Khu dân cư thương mại và Chợ Nguyễn Thị Minh Khai	
	<i>Trục đường bao quanh Chợ Nguyễn Thị Minh Khai</i>	8.154
	<i>Các trục đường còn lại</i>	7.560
	HUYỆN CHỢ MỚI	
I	Đường phố loại 1	
1	Trục đường Quốc lộ 3 từ Cầu Ô gà đến hết địa phận thị trấn Đồng Tâm	4.800

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
II	Đường phố loại 2	
1	Từ cách lộ giới QL3 là 20m đến hết đất nhà ông Phan Bá Thuận (đầu đường QH32m đến cuối đường QH32m) Điều chỉnh thành: “Từ cách lộ giới QL3 là 20m (cây xăng 31) đến hết đất nhà ông Phan Bá Thuận tổ 2”	2.679
2	Từ cổng Trung tâm Dạy nghề huyện đi qua chợ đến Cửa hàng Vật tư nông nghiệp (cách đường QH32m là 20m)	2.679
3	Từ giáp đất nhà ông Hoàng Đình Hoàn đến đường QH32m (cách lộ giới 20m) Điều chỉnh thành: “Từ cách lộ giới QL3 là 20m (Nhà ông Hoàng Hà Bắc) đến tiếp giáp đất ông Tạ Việt Anh”	1.352
	HUYỆN NA RÌ	
I	Trục đường từ xã Cường Lợi đi xã Sơn Thành	
2	Từ giáp đất ông Triệu Văn Hoan đến ngã ba đường đi Văn Vũ	1.080
	HUYỆN BẠCH THÔNG	
	Đường nội thị, thị trấn Phủ Thông.	2.316
	HUYỆN BA BÈ	
I	Các trục đường chính (dọc hai bên đường)	
5	Từ đường rẽ vào Lâm trường Ba Bè đến cổng cạnh nhà ông Dương Văn Duy TK4	2.231
6	Từ tiếp cổng nhà ông Dương Văn Duy TK4 đến hết đất nhà ông Doãn Văn Đảm TK4	1.666
15	Từ cổng Loong Cại đến hết đất thị trấn	2.550
20	Từ tiếp đất nhà bà Hoàng Thị Giới (TK1) đến hết đất nhà ông Bé Thiện Kiệm (TK11) Điều chỉnh thành “Từ Tiếp đất nhà Bà Triệu Thị Liên (TK1) dọc trục đường QL 279 đến hết nhà ông Bé Thiện Kiệm”	2.550

IV. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	THÀNH PHỐ BẮC KẠN	
	XÃ DƯƠNG QUANG	
5.3	Khu tái định cư Khuổi Kén thuộc Dự án Hồ chứa nước Nặm Cắt	2.454
5.4	Khu tái định cư Chương trình đô thị miền núi phía Bắc	
5.4.1	Các trục đường nội bộ Khu tái định cư Chương trình đô thị miền núi phía Bắc có lộ giới 12m	6.936
5.4.2	Các trục đường nội bộ Khu tái định cư Chương trình đô thị miền núi phía Bắc có lộ giới 16,5m	7.900
	HUYỆN CHỢ MỚI	
1	Trục đường QL3 (xã Thanh Thịnh, Nông Hạ, Cao Kỳ, Hòa Mục)	
1.1	XÃ THANH THỊNH	
	Từ đất nhà ông Ngô La Nghiêm (mường Khe Còn) đến hết đất nhà bà Hoàng Thị Khương	954
1.2	XÃ NÔNG HẠ	
	Từ hết đất nhà bà Nguyễn Thị Tô Nữ đến cầu Khe Thi	1.398
1.4	XÃ HOÀ MỤC	
	Từ cách lộ giới QL3 là 20m đến hết đất nhà ông Hà Hữu Hùng (Bản Chang)	688
3	Đất ở các xã	
3.5	XÃ QUẢNG CHU	
	Trục đường QL3 mới từ giáp xã Yên Lạc, tỉnh Thái Nguyên đến hết địa phận thôn Nà Choọng, xã Quảng Chu	1.006
4	Các vị trí còn lại bám trục đường liên xã chưa nêu ở trên (áp dụng cho tất cả các xã)	397
6	Đất ở nông thôn của các xã	
6.2	Đất ở nông thôn còn lại các xã Cao Kỳ, Hòa Mục, Nông Hạ	288
6.3	Đất ở nông thôn còn lại của các xã Mai Lạp, Như Cố, Quảng Chu, Tân Sơn, Thanh Mai, Thanh Vận, Bình Văn, Yên Cư, Yên Hân	220

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	HUYỆN BẠCH THÔNG	
	XÃ ĐÔN PHONG	
	Đường thành phố Bắc Kạn - hồ Ba Bể (đoạn qua xã Đôn Phong, huyện Bạch Thông).	790
	HUYỆN PÁC NẶM	
	XÃ NGHIÊN LOAN	
	Đường vào Chợ Bò xã Nghiên Loan	283

V. BẢNG GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ TẠI NÔNG THÔN

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	THÀNH PHỐ BẮC KẠN	
	XÃ DƯƠNG QUANG	
5.3	Khu tái định cư Khuổi Kén thuộc Dự án Hồ chứa nước Nậm Cắt	1.963
5.4	Khu tái định cư Chương trình đô thị miền núi phía Bắc	
5.4.1	Các trục đường nội bộ Khu tái định cư Chương trình đô thị miền núi phía Bắc có lộ giới 12m	5.549
5.4.2	Các trục đường nội bộ Khu tái định cư Chương trình đô thị miền núi phía Bắc có lộ giới 16,5m	6.320
	HUYỆN CHỢ MỚI	
1	Trục đường QL3 (xã Thanh Thịnh, Nông Hạ, Cao Kỳ, Hòa Mục)	
1.1	XÃ THANH THỊNH	
	Từ đất nhà ông Ngô La Nghiêm (mường Khe Còn) đến hết đất nhà bà Hoàng Thị Khương	763
1.2	XÃ NÔNG HẠ	
	Từ hết đất nhà bà Nguyễn Thị Tố Nữ đến cầu Khe Thi	1.118
1.4	XÃ HOÀ MỤC	
	Từ cách lộ giới QL3 là 20m đến hết đất nhà ông Hà Hữu Hùng (Bản Chang)	550
3	Đất ở các xã	
3.5	XÃ QUẢNG CHU	
	Trục đường QL3 mới từ giáp xã Yên Lạc, tỉnh Thái Nguyên đến hết địa phận thôn Nà Choọng, xã Quảng Chu	805
4	Các vị trí còn lại bám trục đường liên xã chưa nêu ở trên (áp dụng cho tất cả các xã)	318
6	Đất ở nông thôn của các xã	
6.2	Đất ở nông thôn còn lại các xã Cao Kỳ, Hòa Mục, Nông Hạ	230
6.3	Đất ở nông thôn còn lại của các xã Mai Lạp, Như Cố, Quảng Chu, Tân Sơn, Thanh Mai, Thanh Vận, Bình Văn, Yên Cư, Yên Hân	176

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	HUYỆN BẠCH THÔNG	
	XÃ ĐÔN PHONG	
	Đường thành phố Bắc Kạn - hồ Ba Bể (đoạn qua xã Đôn Phong, huyện Bạch Thông).	632
	HUYỆN PÁC NẶM	
	XÃ NGHIÊN LOAN	
	Đường vào Chợ Bò xã Nghiên Loan	226

**VI. BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT, KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP
KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ TẠI NÔNG THÔN**

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	THÀNH PHỐ BẮC KẠN	
	XÃ DƯƠNG QUANG	
5.3	Khu tái định cư Khuổi Kén thuộc Dự án Hồ chứa nước Nặm Cắt	1.472
5.4	Khu tái định cư Chương trình đô thị miền núi phía Bắc	
5.4.1	<i>Các trục đường nội bộ Khu tái định cư Chương trình đô thị miền núi phía Bắc có lộ giới 12m</i>	4.162
5.4.2	<i>Các trục đường nội bộ Khu tái định cư Chương trình đô thị miền núi phía Bắc có lộ giới 16,5m</i>	4.740
	HUYỆN CHỢ MỚI	
1	Trục đường QL3 (xã Thanh Thịnh, Nông Hạ, Cao Kỳ, Hòa Mục)	
1.1	XÃ THANH THỊNH	
	Từ đất nhà ông Ngô La Nghiêm (mường Khe Còn) đến hết đất nhà bà Hoàng Thị Khương	572
1.2	XÃ NÔNG HẠ	
	Từ hết đất nhà bà Nguyễn Thị Tô Nữ đến cầu Khe Thi	838
1.4	XÃ HOÀ MỤC	
	Từ cách lộ giới QL3 là 20m đến hết đất nhà ông Hà Hữu Hùng (Bản Chang)	413
3	Đất ở các xã	
3.5	XÃ QUẢNG CHU	
	Trục đường QL3 mới từ giáp xã Yên Lạc, tỉnh Thái Nguyên đến hết địa phận thôn Nà Choọng, xã Quảng Chu	604
4	Các vị trí còn lại bám trục đường liên xã chưa nêu ở trên (áp dụng cho tất cả các xã)	238
6	Đất ở nông thôn của các xã	
6.2	Đất ở nông thôn còn lại các xã Cao Kỳ, Hòa Mục, Nông Hạ	173
6.3	Đất ở nông thôn còn lại của các xã Mai Lạp, Như Cố, Quảng Chu, Tân Sơn, Thanh Mai, Thanh Vận, Bình Văn, Yên Cư, Yên Hân	132

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	HUYỆN BẠCH THÔNG	
	XÃ ĐÔN PHONG	
	Đường thành phố Bắc Kạn - hồ Ba Bể (đoạn qua xã Đôn Phong, huyện Bạch Thông)	474
	HUYỆN PÁC NẠM	
	XÃ NGHIÊN LOAN	
	Đường vào Chợ Bò xã Nghiên Loan	170